Thì quá khứ đơn

Cách phát âm đuôi ed

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /id/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại

- **Câu khẳng định**

Chủ ngữ + động từ có quy tắc +ed +.....
Teacher talked ***(talk)*** about Past Simple 5 seconds ago.

- **Câu phủ định**

Chủ ngữ + didn't + động từ không chia, nguyên thể

Teacher didn't talk ***(not talk)*** about Present Simple 5 seconds ago.

	Chia động từ quá khứ trong câu	**Dấu hiệu nhận biết**	**Cách phát âm của ed cuối động từ quá khứ**
1	I _**STAYED**____ (**stay**) at home last weekend.	LAST WEEKEND	/d/
2	Last June I _____(**visit**) Ngoc Son Temple in Ha Noi.		/t/ /d/ /id/
3	They ____(**talk**) about their holiday in Hoi An 5 years ago.		/t/ /d/ /id/
4	I _____(**walk**) down the street when it began to rain.		/t/ /d/ /id/
5	At this time last year, I_____ (**attend**) an English course.		/t/ /d/ /id/

LIVEWORKSHEETS

6	When we met them last month, they _____(**live**) in Santiago.		/t/ /d/ /id/
7	The tourist lost his camera while he _____(**walk**) around the city yesterday.		/t/ /d/ /id/
8	Mary and I _____ (**dance**) the house when the telephone rang.		/t/ /d/ /id/
9	I _____ (**save**) some money last year.		/t/ /d/ /id/
10	The cat _____ (**jump**) on the tree, and the bird flew away.		/t/ /d/ /id/
11	We _____ (**cook**) together in 2010.		/t/ /d/ /id/
12	She _____ (**arrive**) in 1978.		/t/ /d/ /id/
13	Peter _____ (**change**) his name the day before.		/t/ /d/ /id/
14	Julie _____ (**move**) from Canada in the past.		/t/ /d/ /id/
15	The film wasn't very good. I ....**DIDN'T ENJOY** ....(**not enjoy**) it very much.		
16	He ..... (**not go**) to the swimming pool because he ..... (**not like**) swimming.		
17	They ..... (**not have**)dinner at nine o´clock.		
18	Helen ..... (**not eat**) too many sweets.		
19	I ..... (**not buy**) the newspaper in the shop.		
20	We ..... (**not get**) up at eight o´clock.		
21	She ..... (**not see**) the newspaper in the shop over there.		
22	You _____ (**not give**) me all the books yesterday.		

LIVEWORKSHEETS